

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
**ĐƠN VỊ: KHOA DU LỊCH**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 1, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	CHINESE 3		
Mã học phần:	231_DTQ0032	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	02		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>60</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
  - + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1
  - + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng những kiến thức về con người, văn hóa vào lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lễ hành	Trắc nghiệm	40	1-10	3	PLO1
CLO3	Vận dụng kỹ năng phối hợp nhóm nhằm thích nghi với sự thay đổi trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lễ hành	Trắc nghiệm	40	11-20	3	PLO5
CLO4	Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo nhằm giải quyết vấn đề một cách hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lễ hành	Tự luận	20	1-9	4	PLO7

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

Ví dụ:

#### **PHẦN TRẮC NGHIỆM (20+ 0.3)**

1. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

旅游

- A. lǚyóu
- B. fēicháng
- C. yóuyǒng
- D. bàozhǐ

ANSWER: A

2. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

休息

- A. xiūxi
- B. shǒubiǎo
- C. yánsè
- D. yùndòng

ANSWER: A

3. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

红色

- A. hóngsè
- B. yíxià
- C. fěnsè
- D. gōngjīn

ANSWER: A

4. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

非常

- A. fēicháng
- B. yóuyǒng
- C. gōngjīn
- D. yǐjīng

ANSWER: A

5. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

面条

- A. miàntiáo
  - B. xiūxi
  - C. jièshào
  - D. zǎoshang
- ANSWER: A

6. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)



- A. 昨天我们去打篮球了。
  - B. 这个月我天天都游泳。
  - C. 帮我看一下这件衣服怎么样?
  - D. 今天的羊肉真好吃。
- ANSWER: A

7. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)



- A. 生日快乐! 这是送给你的!。
  - B. 我很喜欢吃中国菜。
  - C. 你是什么时候开始踢足球的?
  - D. 他每天回来都很累。
- ANSWER: A

8. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)



- A. 坐公共汽车要一个多小时呢。
- B. 这是今天早上的报纸吗?
- C. 这块手表多少钱?
- D. 他还在教室学习呢。

ANSWER: A

9. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)



- A. 我们要不要买几个新的椅子?
- B. 它的眼睛很漂亮。
- C. 这个星期天天都吃羊肉，不想吃了。
- D. 什么时候能出院?

ANSWER: A

10. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)



- A. 就做你爱吃的鱼吧。
- B. 对，这本书是我写的。
- C. 来一点儿面条吧。
- D. 开车也不快，路上的车太多了。

ANSWER: A

11-15. Đọc và nối câu phù hợp (1.5 điểm)

11. 不远，我每天走路去学校。

ANSWER: D

12. 他已经来了，你没看见吗?

ANSWER: E

13. 左边是王老师，旁边的是张老师。

ANSWER: A

14. 这几天我不想吃饭，觉得很累?

ANSWER: C

15. 我想给爸爸买一块手表，你觉得这块怎么样?

ANSWER: B

- A. 我不认识前边的那两个人，他们是谁？
- B. 我觉得这块很漂亮。
- C. 是不是病了？你问一下医生吧。
- D. 你家离学校远不远？
- E. 小王今天怎么没来学校？

16. Đọc và chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

医生说我要住两天院，明天能出院。

问：我什么时候能出院？

- A. 明天
- B. 昨天
- C. 今天
- D. 两天

ANSWER: A

17. Đọc và chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

八月北京很热，九月天气好，你来吧。

问：八月北京天气怎么样？

- A. 很热。
- B. 很冷。
- C. 很好。
- D. 不冷也不热。

ANSWER: A

18. Đọc và chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

男：我中午有点儿累，喝了三杯咖啡。

女：你少喝一点儿吧，喝多了对身体不好。

问：男的喝了几杯咖啡？

- A. 三杯
- B. 两杯
- C. 一杯
- D. 他不喝咖啡

ANSWER: A

19. Đọc và chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

女：我天天都吃羊肉，现在我想吃鸡蛋面条。

男：我也不想吃羊肉，我想吃牛肉面条？

问：女的想吃什么？

- A. 鸡蛋面条
- B. 羊肉
- C. 面包
- D. 牛肉面条

ANSWER: A

20. Đọc và chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

女: 小王, 你家离中国饭馆远吗?

男: 中国饭馆离我家不远, 走几分钟就到。

问: 小王家离中国饭馆远不远?

A. 不远

B. 不近

C. 很远

D. 不知道

ANSWER: A

.....

### PHẦN TỰ LUẬN (5 +0.4 / 4+0.5)

Câu 1-5: Điền từ thích hợp nhất vào chỗ trống

一下      送              工作      丈夫      起床

Câu 1 (0.4 điểm): 爸爸现在不能回来, 他在 ( ) 呢?

**Đáp án Câu 1: 工作**

Câu 2 (0.4 điểm): 你身体不好, 多喝水, 休息 ( ) 吧。

**Đáp án Câu 2: 一下**

Câu 3 (0.4 điểm): 妈妈每天早上七点前 ( ) 。

**Đáp án Câu 3: 起床**

Câu 4 (0.4 điểm): 明天是丽丽的生日, 你想 ( ) 给她什么?

**Đáp án Câu 4: 送**

Câu 5 (0.4 điểm): 今天的菜还可以, 都是我 ( ) 做的。

**Đáp án Câu 5: 丈夫**

Câu 6 (0.5 điểm): Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh

这儿/一个/ 不远/ 中国饭馆/ 有/离/。

**Đáp án Câu 6:**

**离这儿不远有一个中国饭馆。**

Câu 7 (0.5 điểm): Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh

在门外/ 自行车了/他的/ 看见/ 我/。

**Đáp án Câu 7:**

**我在门外看见他的自行车了。**

Câu 8 (0.5 điểm): Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh

都/ 踢足球/ 非常/ 喜欢/ 他们/ 。

**Đáp án Câu 8:**

他们都非常喜欢踢足球。

Câu 9 (0.5 điểm): Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh

有/ 杯子/ 红色的/ 四个/ 这里/。

**Đáp án Câu 9:**

这里有四个红色的杯子。

**Sinh viên được sử dụng bộ gõ nhập chữ Trung Quốc để hoàn thành bài thi**

.....

### ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>6.0</b>	
Câu 1 – 10	A	0.3	
Câu 11	D	0.3	
Câu 12	E	0.3	
Câu 13	A	0.3	
Câu 14	C	0.3	
Câu 15	B	0.3	
Câu 16-20	A	0.3	
<b>II. Tự luận</b>		<b>4.0</b>	
Câu 1	工作	0.4	
Câu 2	一下	0.4	
Câu 3	起床	0.4	
Câu 4	送	0.4	
Câu 5	丈夫	0.4	
Câu 6	离这儿不远有一个中国饭馆。	0.5	
Câu 7	我在门外看见他的自行车了。	0.5	
Câu 8	他们都非常喜欢踢足球。	0.5	
Câu 9	这里有四个红色的杯子。	0.5	
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 7. tháng 11. năm 2023

Giảng viên ra đề





**ThS. Nguyễn Thị Ngọc Linh**

**Quách Trọng Liêm**